

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 69 /TTr-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 6 năm 2017

TỜ TRÌNH

Đề nghị thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác mỏ đất sét làm gạch ngói nung tuynel tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025

Số: 990

Đến ngày: 14/6/2017

K.chuyển:

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 về quản lý Vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKH ngày 31/10/2013 của Bộ kế hoạch và đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 02/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác mỏ đất sét làm gạch ngói nung tuynel trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định dự án Quy hoạch thăm dò, khai thác mỏ đất sét làm gạch ngói nung tuynel trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng và Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác mỏ đất sét làm gạch ngói nung tuynel trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, với nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Quy hoạch thăm dò, khai thác mỏ đất sét làm gạch ngói nung tuynel tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025.

2. Mục tiêu quy hoạch:

Quy hoạch thăm dò, khai thác mỏ đất sét làm gạch ngói nung tuynel tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 phù hợp với chiến lược khoáng sản, quy hoạch khoáng sản quy định của Chính phủ; phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh; bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn. Khai thác, sử dụng đất sét sản xuất gạch, ngói nung tuynel hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả phục vụ nhu cầu hiện tại, đồng thời, có tính đến sự phát triển khoa học, công nghệ và nhu cầu vật liệu xây dựng trong tương lai. Xác định phương hướng, mục tiêu thăm dò, khai thác, sử dụng đất sét sản xuất gạch, ngói nung tuynel trong kỳ quy hoạch. Khoanh định chi tiết khu vực mỏ đất sét sản xuất gạch, ngói nung tuynel cần đầu tư thăm dò, khai thác để bổ sung, điều chỉnh vào quy hoạch, theo các quy định hiện hành.

3. Tiêu chí lập quy hoạch:

- Về vị trí mỏ: Không ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng kỹ thuật trọng điểm như điện lực, đê điều, thủy lợi, giao thông, văn hóa, quân sự; không trùng lặp với các quy hoạch khoáng sản của trung ương và các quy hoạch xây dựng khác của địa phương.

- Về nguồn gốc, hiện trạng: Nguồn nguyên liệu đất sét được quy hoạch là đất đồi, đất bãi hoang, đất mặt nước; không ảnh hưởng đến đất nông nghiệp (đất trồng lúa), đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, đất nằm trong khu vực cấm, tạm cấm khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Đê điều, Luật Khoáng sản và các quy định khác của pháp luật.

4. Đối tượng quy hoạch:

Khoáng sản đất sét làm gạch ngói nung tuynel theo quy định tại Điều 64 của Luật Khoáng sản.

5. Phạm vi quy hoạch:

Các mỏ đất sét làm gạch ngói nung tuynel trên địa bàn tỉnh. Các khu vực có triển vọng khoáng sản, có đầy đủ cơ sở dữ liệu để lập quy hoạch và các điểm khoáng sản đã và đang diễn ra hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

6. Dự báo nhu cầu sử dụng:

Đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu thụ gạch xây (bao gồm: gạch tuynel và gạch không nung cơ giới) trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, cụ thể:

- Giai đoạn 2016-2020 khoảng 9,2 tỷ viên, trong đó:

+ Gạch không nung: 3,3 tỷ viên;

- + Gạch tuynel 5,9 tỷ viên;
- + Nhu cầu sử dụng đất sét làm nguyên liệu sản xuất: 8,85 triệu m³.
- Giai đoạn 2021-2025 khoảng 11,5 tỷ viên, trong đó:
- + Gạch không nung: 5,0 tỷ viên;
- + Gạch tuynel 6,5 tỷ viên;
- + Nhu cầu sử dụng đất sét làm nguyên liệu sản xuất: 9,75 triệu m³.

Tổng nhu cầu sử dụng đất sét làm nguyên liệu sản xuất gạch tuynel tính đến hết năm 2025 khoảng 18,6 triệu m³.

7. Nội dung quy hoạch:

Tổng số vị trí quy hoạch kỳ này là: 53 vị trí, được phân bố trên địa bàn 16 huyện, thị, thành phố.

- Diện tích quy hoạch: 394,63 ha;
- Trữ lượng và tài nguyên dự báo: khoảng 23.277.993 triệu m³;

Trong đó:

+ 08 vị trí đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, với diện tích 61,42 ha, trữ lượng 3.260.734 m³ (02 vị trí thuộc 176/2010 và 06 vị trí được cập nhật);

+ 11 vị trí đã được UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản, với diện tích 70,07 ha, trữ lượng 2.864.259 m³ (04 vị trí thuộc 176/2010 và 07 vị trí được cập nhật);

+ 04 vị trí đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép thăm dò với diện tích 13,10 ha, tài nguyên dự báo khoảng 730.000 m³ (02 vị trí thuộc 176/2010 và 02 vị trí được cập nhật);

+ 09 vị trí đã được UBND tỉnh đồng ý chủ trương thăm dò với diện tích 72,52 ha, tài nguyên dự báo khoảng 4.630.000 m³ (02 vị trí thuộc 176/2010 và 07 vị trí được cập nhật);

+ 21 vị trí chưa có chủ trương, cấp phép thăm dò, khai thác với diện tích quy hoạch khoảng 177,52 ha, tài nguyên dự báo khoảng 11.793.000 m³ (05 vị trí thuộc 176/2010 và 16 vị trí quy hoạch mới).

(Tổng hợp các vị trí quy hoạch theo phụ lục 01 kèm theo)

8. Quy hoạch vùng nguyên liệu cho các đơn vị sản xuất:

Căn cứ kết quả quy hoạch và các vị trí đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương, cấp phép; dự kiến vùng nguyên liệu đất sét cho các đơn vị, cụ thể:

- Có 33 đơn vị đã dự kiến được vùng nguyên liệu tại 46 vị trí;
- + Diện tích 346,33 ha;
- + Trữ lượng và tài nguyên dự báo khoảng 21.007.993 m³;

- Có 09 đơn vị đang tìm kiếm vùng nguyên liệu;
- + Công suất thiết kế 425 triệu viên/năm;
- + Nhu cầu đất sét làm nguyên liệu khoảng 677.500 m³/năm;

Lý do:

+ 02 đơn vị sau khi Giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn, mỏ đã hết trữ lượng (gồm: Nhà máy gạch Đông Văn-Đông Sơn, Nhà máy gạch Đông Quang-Đông Sơn);

+ 01 Đơn vị sau khi Giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn nhưng không được gia hạn Giấy phép do ảnh hưởng đến lĩnh vực văn hóa (Nhà máy gạch Đông Vinh-thành phố Thanh Hóa);

+ 03 đơn vị khi đi vào sản xuất nhưng không xác định được vùng nguyên liệu (Nhà máy gạch Trại 5 (T5)-Yên Định; nhà máy Gạch Trung Sơn-Hà Trung; Công ty CP sản xuất VLXD Tự Lực-thành phố Thanh Hóa);

+ 03 đơn vị được UBND tỉnh đồng ý chủ trương đầu tư xây dựng nhà máy, hiện đang trong quá trình đầu tư xây dựng, chưa đi vào sản xuất (02 nhà máy gạch công nghệ cao sử dụng đất đồi của Công ty Cổ phần Sản xuất xây dựng và thương mại Long Thành tại thị xã Bim Sơn và huyện Quảng Xương; Nhà máy gạch công nghệ cao phát thải thấp của Công ty cổ phần Á Mỹ Thọ Xuân).

- 07 vị trí quy hoạch chưa có đơn vị đăng ký lập hồ sơ thăm dò, khai thác.

+ Diện tích 48,30 ha;

+ Tài nguyên dự báo khoảng 2.270.000 m³;

Tại các huyện: Hà Trung 01 vị trí (11); Yên Định 04 vị trí (33, 37, 38, 39); Thọ Xuân 01 vị trí (40); Thạch Thành 01 vị trí (50) (chi tiết tại phụ lục số 01).

Các đơn vị chưa có vùng nguyên liệu đất sét hoặc có vùng nguyên liệu nhưng chưa đủ trữ lượng sản xuất, có thể nghiên cứu, lựa chọn các các vị trí quy hoạch trên, trình UBND tỉnh xin lập hồ sơ cấp phép, khai thác theo quy định.

(Chi tiết phân vùng nguyên liệu cho các đơn vị theo phụ lục 02)

9. Bảo vệ môi trường:

- Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại vào khai thác, chế biến khoáng sản để nâng cao hiệu suất và chất lượng sản phẩm, hạn chế ô nhiễm môi trường;

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ thực hiện việc đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường theo đúng quy định hiện hành; việc tuân thủ quy trình công nghệ thăm dò, khai thác và phục hồi môi trường các mỏ khoáng sản sau khi kết thúc khai thác;

- Tăng cường các biện pháp giảm thiểu phù hợp với quy mô công trình. Các biện pháp bảo vệ môi trường được thực thi trong suốt quá trình thiết kế kỹ thuật, xây dựng công trình và trong quá trình hoạt động của dự án; đảm bảo xử lý chất thải rắn, nước thải trong quá trình hoạt động của các dự án;

- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành, bảo dưỡng thiết bị công nghệ, xác định chính xác lượng nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng để quá trình hoạt động diễn ra ở mức ổn định cao nhất có thể, giảm bớt lượng chất thải, ổn định thành phần chất thải tạo điều kiện cho việc xử lý chất thải.

10. Giải pháp thực hiện quy hoạch:

- Giải pháp phát triển ngành: Ổn định và phát huy tối đa công suất các nhà máy gạch tuynel hiện có; chú trọng phát triển vật liệu xây dựng không nung từng bước thay thế gạch đất sét nung;

- Giải pháp phát triển, đào tạo nguồn nhân lực: Tăng cường công tác đào tạo nguồn lao động kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý, vận hành sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác mỏ;

- Giải pháp về khoa học - công nghệ: Mở rộng hợp tác đào tạo, tiếp nhận công nghệ mới; khuyến khích đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại vào khai thác đất sét làm gạch ngói nung tuynel để nâng cao hiệu suất và chất lượng sản phẩm, tiêu tốn ít năng lượng, nguyên liệu và hạn chế ô nhiễm môi trường;

- Giải pháp về vốn đầu tư: Bố trí nguồn tài chính hợp lý cho việc điều tra, khảo sát, thăm dò. Khuyến khích các doanh nghiệp liên doanh, liên kết huy động vốn điều tra thăm dò khoáng sản dưới các hình thức. Công bố rộng rãi danh mục tài nguyên các mỏ đã được dự kiến quy hoạch thăm dò để kêu gọi đầu tư;

- Giải pháp về cơ chế, chính sách: Hướng dẫn kịp thời các văn bản qui phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động khoáng sản; xây dựng cụ thể quy chế cấp phép, thẩm định hồ sơ cấp phép. Có chính sách khuyến khích đầu tư công nghệ mới trong lĩnh vực thăm dò, khai thác chế biến. Đầu tư sản xuất lớn với quy mô công nghệ để từng bước loại bỏ tình trạng khai thác, chế biến thủ công nhằm khai thác có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ cảnh quan môi trường. tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong việc cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản theo hướng tập trung một đầu mối, thông thoáng và thuận tiện hơn;

- Giải pháp về tổ chức thực hiện: Phân công cụ thể trách nhiệm cho các cấp, các ngành trong việc thực hiện và phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước về khoáng sản; kịp thời tuyên truyền, ngăn chặn, xử lý các đơn vị, tổ chức có sai phạm trong hoạt động khai thác đất sét và sản xuất gạch tuynel. Công bố, công khai quy hoạch trên các trang thông tin điện tử, phương tiện truyền thông ngay sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trên đây là nội dung Quy hoạch thăm dò, khai thác mỏ đất sét làm gạch ngói nung tuynel tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng, KH&ĐT;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

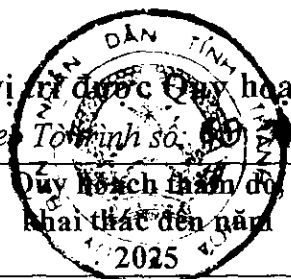


Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục 01

Danh sách tổng hợp các vị trí được Quy hoạch thăm dò, khai thác đất sét làm gạch ngói tuynel đến năm 2025

(Kèm theo Tờ trình số: 690/Tr-UBND ngày 19/6/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa)



Stt	Vị trí quy hoạch	Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025		Đã cấp phép thăm dò, khai thác		Nguồn gốc đất	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
		Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Diện tích (ha)	Trữ lượng (m ³)			
I	Thị Xã Bỉm Sơn	30,03	1.670.727	18,23	973.943			
1	Thôn Đoài Thôn, xã Hà Lan, thị xã Bỉm Sơn (VT1)	8,58	418.727	8,58	418.727	Đất bãi, đất mặt nước	Công ty Cổ phần Gốm XD Bỉm Sơn viglacera đang khai thác, GP khai thác số 480/GP-UBND ngày 22/12/2014	QĐ số 176
2	Thôn Đoài Thôn, xã Hà Lan, thị xã Bỉm Sơn (VT2)	5,50	305.000			Đất bãi, đất mặt nước		Bổ sung quy hoạch
3	Đồi đất khu 8 phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn	5,45	680.000	3,00	375.220	Đất đồi	Công ty CP gạch Bắc Sơn đã thăm dò trữ lượng cấp 121 + 122, QĐPDTL số 4347/QĐ-UBND ngày 08/12/2014	QĐ số 176
4	Đồi E64, phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn	7,00	157.000	3,15	69.996	Đất trồng màu	Công ty CP VLXD Bỉm Sơn đã thăm dò trữ lượng cấp 121, QĐPDTL số 333/QĐ-UBND ngày 26/01/2016	QĐ số 176
5	Đồi đất khu 10 Bắc Sơn, khu 13 phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn (VT1)	2,80	68.000	2,80	68.000	Đất đồi	Công ty CP VLXD Bỉm Sơn đã thăm dò trữ lượng cấp 121, QĐPDTL số 333/QĐ-UBND ngày 26/01/2016	Cập nhật quy hoạch
6	Đồi đất khu 10 Bắc Sơn, khu 13 phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn (VT2)	0,70	42.000	0,70	42.000	Đất đồi	Công ty CP VLXD Bỉm Sơn đã thăm dò trữ lượng cấp 121, QĐPDTL số 333/QĐ-UBND ngày 26/01/2016	Cập nhật quy hoạch

Stt	Vị trí quy hoạch	Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025		Đã cấp phép thăm dò, khai thác		Nguồn gốc đất	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
		Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Diện tích (ha)	Trữ lượng (m ³)			
II	Huyện Hà Trung	69,10	4.189789	9,53	280.957			
7	Bãi Đồng Rào, bãi Lác, xã Hà Long, huyện Hà Trung	12,00	240.000	2,95		Đất trồng màu, đất trồng lúa	Tổng Công ty ĐT PTĐT – CTCP đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương tại Văn bản số 8426/UBND-CN ngày 02/8/2016	Cập nhật quy hoạch
8	Thôn Yên Phú, xã Hà Tiên, huyện Hà Trung	5,60	265.000	2,58	121.168	Đất mặt nước	Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và xây lắp số 5 đang khai thác, GP khai thác số 228/GP-UBND ngày 04/6/2015	Cập nhật quy hoạch
9	Thôn Đồng Bông xã Hà Tiên và thôn Hòa Thuận xã Hà Giang, huyện Hà Trung	25,00	1.450.000			Đất mặt nước	Công ty TNHH Bắc Giang đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương tại Văn bản số 5397/UBND-CN ngày 17/7/2013	Cập nhật quy hoạch
10	Thôn 9,10, xã Hà Vinh, huyện Hà Trung	4,00	159.789	4,00	159.789	Đất bãi trồng màu	Công ty CP sản xuất và thương mại Lam Sơn đã thăm dò trữ lượng cấp 121, QĐPDTL số 2583/QĐ-UBND ngày 13/8/2014	Cập nhật quy hoạch
11	Thôn Đà Sơn, xã Hà Bắc, huyện Hà Trung	3,50	175.000			Đất mặt nước		Bổ sung quy hoạch
12	Đồi Nung, đồi 25 xã Hà Long, huyện Hà Trung	19,0	1.900.000			Đất rừng sản xuất	Công ty CP gạch tuynel FLC Đò Lèn – Hậu Lộc	Bổ sung quy hoạch
III	Huyện Nga Sơn	3,20	211.000	0,00	0			
13	Thôn Báo Văn, xã Nga Lĩnh, huyện Nga Sơn (VT1)	2,50	175.000			Đất bãi, đất mặt nước		QĐ số 176

Stt	Vị trí quy hoạch	Quy hoạch, năm dò, khai thác đến năm		Đã cấp phép thăm dò, khai thác		Nguồn gốc đất	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
		Diện tích (ha)	Nguyên dự báo (m ³)	Diện tích (ha)	Trữ lượng (m ³)			
14	Thôn Báo Văn, xã Nga Linh, huyện Nga Sơn (VT2)	0,70	36.000			Đất bãi, đất mặt nước		Bổ sung quy hoạch
IV	Huyện Hậu Lộc	44,20	2.720.000	13,50	0			
15	Thôn Hòa Bình, xã Thịnh Lộc, huyện Hậu Lộc	5,80	290.000	5,80		Đất bãi, đất mặt nước	Nhà máy gồm xây dựng Thịnh Lộc đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương tại Văn bản số 2567/UBND-CN ngày 25/3/2015	QĐ số 176
16	Núi Miếu, xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc	7,70	930.000	7,70		Đất đồi	Công ty CP gạch Tuyenl FLC – Đò Lèn Hậu Lộc đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương tại Văn bản số 8940/UBND-CN ngày 12/8/2016	Cập nhật quy hoạch
17	Thôn Ngọ, thôn Sơn, xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc	30,70	1.500.000			Đất mặt nước	Công ty CP gạch Tuyenl FLC – Đò Lèn Hậu Lộc	Bổ sung quy hoạch
V	Huyện Hoằng Hóa	2,70	180.000	2,70	0			
18	Thôn Nghĩa Hưng, xã Hoằng Phượng, huyện Hoằng Hóa	2,70	180.000	2,70		Đất bãi trồng màu	Công ty CP gạch Tuynel Sơn Trang đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương tại Văn bản số 10207/UBND-CN ngày 09/9/2016	Cập nhật quy hoạch
VI	Huyện Đông Sơn	13,40	692.000	0,00	0			
19	Thôn Hoàng Mậu, xã Đông Phú, huyện Đông Sơn	8,20	482.000			Đất bãi, đất mặt nước		QĐ số 176
20	Thôn Cầm Liêm, xã Đông Nam, huyện Đông Sơn	5,20	210.000			Đất mặt nước		Bổ sung quy hoạch

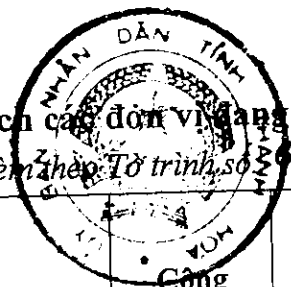
Stt	Vị trí quy hoạch	Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025		Đã cấp phép thăm dò, khai thác		Nguồn gốc đất	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
		Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Diện tích (ha)	Trữ lượng (m ³)			
VII	Huyện Quảng Xương	2,76	80.000	0				
21	Thôn Yên Phú, xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương	2,76	80.000				CTCP Sông Đà 25 được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương tại Văn bản số 3315/UBND-CN ngày 31/3/2017	Cập nhật quy hoạch
VIII	Huyện Tĩnh Gia	11,06	620.000	3,94	310.000			
22	Thôn Trường Sơn xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	3,94	310.000	3,94	310.000	Đất bãi, đất ven chân núi	Công ty cổ phần Trường Sơn đang khai thác, GP khai thác số 344/GP-UBND, ngày 27/8/2015	Cập nhật quy hoạch
23	Thôn Tân Lập, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia (VT1)	5,00	162.000			Đất mặt nước		Bổ sung quy hoạch
24	Thôn Tân Lập, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia (VT2)	0,62	50.000			Đất bãi trồng màu		Bổ sung quy hoạch
25	Thôn Minh Châu, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	1,50	98.000			Đất bãi trồng màu		Bổ sung quy hoạch
IX	Huyện Vĩnh Lộc	41,50	3.450.000	16,72	745.221			
26	Thôn 9, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc	5,00	315.000	4,70	296.591	Đất bãi, đất mặt nước	Tổng công ty đầu tư Hà Thanh – công ty cổ phần đang khai thác, GP khai thác số 119/GP-UBND ngày 31/3/2016	QĐ số 176
27	Thôn 7, xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc (VT1)	2,40	140.000	2,40		Đất bãi, đất mặt nước	Công ty cổ phần Vĩnh Hòa đang thăm dò trữ lượng, GP số 276/GP-UBND ngày 20/7/2016	QĐ số 176
28	Thôn 7, xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc (VT2)	2,90	190.000	2,90		Đất bãi, đất mặt nước	nt	Cập nhật quy hoạch

Stt	Vị trí quy hoạch	Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Đã cấp phép thăm dò, khai thác		Nguồn gốc đất	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Trữ lượng (m ³)			
29	Thôn Nhật Quang, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc	2,00	85.000	1,60	67.225	Đất bãi, đất trồng màu	CTCP SX & TM Lam Sơn đã thăm dò trữ lượng cấp 121, QĐPDTL số 4975/QĐ-UBND ngày 27/11/2015	Cập nhật quy hoạch
30	Thôn Tân Phúc, xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc	5,20	390.000	5,12	381.405	Đất nông nghiệp kém hiệu quả	Công ty CP Sản xuất và thương mại Lam Sơn đang khai thác, GP khai thác số 347/GP-UBND ngày 16/9/2016	Cập nhật quy hoạch
31	Bãi Trôi xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lộc	20,20	1.950.000			Đất bãi, đất mặt nước	Tổng Công ty Hà Thanh- Công ty CP	QĐ số 176
32	Tại Thôn 6, xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lộc	3,8	380.000			Đất đồi, trồng cây Lâm Nghiệp	Tổng Công ty Hà Thanh- Công ty CP	
X	Huyện Yên Định	67,80	2.792.007	14,87	396.685			
33	Thôn Hành Chính, xã Yên Lâm, huyện Yên Định	8,50	600.000			Đất trồng màu		QĐ số 176
34	Thôn Yên Trường, xã Yên Tâm, huyện Yên Định	2,50	140.000	2,50		Đất bãi trồng màu	Công ty TNHH Bò sữa thống nhất Thanh Hóa đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương tại Văn bản số 10008/UBND-CN ngày 05/9/2016	QĐ số 176
35	Thôn Trịnh Xá, xã Yên Ninh, huyện Yên Định	19,50	550.000	7,37	204.678	Đất bãi, đất mặt nước	Công ty CP Cẩm Trướng đang khai thác, GP khai thác số 295/GP-UBND ngày 05/8/2016	Cập nhật quy hoạch
36	Làng Cẩm Trướng, Ngã Ba Bông, xã Định Công, huyện Yên Định	5,00	192.007	5,00	192.007	Đất bãi trồng màu	Công ty CP VLXD Hùng Cường đang khai thác, GP khai thác số 343/GP-UBND ngày 12/9/2016	Cập nhật quy hoạch

Stt	Vị trí quy hoạch	Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025		Đã cấp phép thăm dò, khai thác		Nguồn gốc đất	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
		Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Diện tích (ha)	Trữ lượng (m ³)			
37	Thôn 3,4,5,6 xã Định Tiến, huyện Yên Định	3,50	120.000			Đất trồng màu		Bổ sung quy hoạch
38	Thôn 6,7,8,9 xã Định Tiến, huyện Yên Định	5,80	240.000			Đất trồng màu		Bổ sung quy hoạch
39	Thôn Phú Xuân, xã Yên Tâm, huyện Yên Định	23,00	950.000			Đất mặt nước		Bổ sung quy hoạch
XI	Huyện Thọ Xuân	23,06	2.120.000	6,06	0			
40	Thôn Phú Hậu, xã Xuân Vinh, huyện Thọ Xuân	5,00	380.000			Đất trồng màu		QĐ số 176
41	Khu Đồng Vin, xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân	2,00	120.000	2,00		Đất trồng màu	Nhà máy gạch Tuynel Lâm Thao đang thăm dò trữ lượng, GP số 373/GP-UBND ngày 10/10/2016	Cập nhật quy hoạch
42	Đồi đất thôn 8, xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân	4,06	320.000	4,06		Đất đồi	Công ty CP mía đường Lam Sơn đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương tại Văn bản số 10424/UBND-CN ngày 14/9/2016	Cập nhật quy hoạch
43	Đồi Ràng Ràng, thôn 6 xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân	13,0	1.300.000			Đất rừng sản xuất	Công ty TNHH Hùng Mạnh	Bổ sung quy hoạch
XII	Huyện Triệu Sơn	32,90	1.509.992	23,65	705.266			
44	Đồi Mốc, xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn	10,00	220.302	10,00	220.302	Đất đồi	NM gạch Tuynel Sơn Trung Hiếu đã thăm dò trữ lượng cấp 121, QĐPDTL số 4607/QĐ-UBND ngày 10/11/2015	QĐ số 176

Stt	Vị trí quy hoạch	Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025		Đã cấp phép thăm dò, khai thác		Nguồn gốc đất	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
		Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Diện tích (ha)	Trữ lượng (m ³)			
45	Hồ Đồng Lớn, xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn	10,00	195.000	8,85	170.955	Đất mặt nước	Nhà máy gạch Tuynel Long Sơn đã thăm dò trữ lượng cấp 121, QĐPDTL số 4804/QĐ-UBND ngày 30/12/2014	QĐ số 176
46	Thôn 1, xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn	2,00	44.690	2,00	44.690	Đất mặt nước	CT TNHH gạch ngói Nam Vang đã thăm dò trữ lượng cấp 121, QĐPDTL số 2708/QĐ-UBND ngày 24/7/2015	Cập nhật quy hoạch
47	Xóm 3, xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn	8,60	820.000	2,80	269.319	Đất đồi	Công ty TNHH gạch ngói Nam Vang đang khai thác, GP khai thác số 371/GP-UBND ngày 06/10/2016	Cập nhật quy hoạch
48	Thôn 9, xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn	2,30	230.000			Đất bãi, đất trồng màu		Bổ sung quy hoạch
XIII	Huyện Thạch Thành	15,80	830.000	5,60	0			
49	Khu Đồng Cua, xã Thành Kim, huyện Thạch Thành	5,80	280.000	5,60		Đất trồng màu	Chi nhánh công ty CP gạch ngói Sông Chanh tại Thanh Hóa đang thăm dò, GP số 316/GP-UBND ngày 17/8/2016	QĐ số 176
50	Thôn 2 Lâm Thành và thôn 3 Tân Sơn, xã Thành Kim, huyện Thạch Thành	10,00	550.000			Đất trồng màu		Bổ sung quy hoạch
XIV	Huyện Ngọc Lặc	6,12	432.478	6,12	432.478			
51	Thôn Thông Nhất, xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc	6,12	432.478	6,12	432.478	Đất bãi trồng màu	CTCP Hồng Ngọc đã thăm dò trữ lượng cấp 121, QĐPDTL số 3525/QĐ-UBND ngày 15/9/2016	Cập nhật quy hoạch

Stt	Vị trí quy hoạch	Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025		Đã cấp phép thăm dò, khai thác		Nguồn gốc đất	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
		Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Diện tích (ha)	Trữ lượng (m ³)			
XV	Huyện Bá Thước	20,00	780.000	17,89	696.251			
52	Thôn Trúc, xã Điền Trung, huyện Bá Thước	20,00	780.000	17,89	696.251	Đất đồi	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước đã thăm dò trữ lượng cấp 121, QĐPDTL số 3387/QĐ-UBND ngày 13/10/2014	Cập nhật quy hoạch
XVI	Huyện Cẩm Thủy	10,0	1.000.000					
53	Thôn Phi Long, xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy	10,0	1.000.000			Đất rừng sản xuất	Công ty TNHH đầu tư xây dựng Đại Sơn; UBND tỉnh chấp thuận chủ trương tại Công văn số 49/UBND-NN ngày 06/01/2010	Cập nhật quy hoạch
Tổng cộng		394.63	23.277.993	138,81	4.540.801			



Phụ lục 02

Danh sách các đơn vị đang sản xuất gạch Tuynel và dự kiến vùng nguyên liệu đất sét

(Kèm theo Tờ trình số 269 /TTr-UBND ngày 14/6/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Stt	Đơn vị sản xuất	Địa chỉ sản xuất	Công suất thiết kế (triệu viên/năm)	Nhu cầu sử dụng đất sét (m ³ /năm)	Vị trí quy hoạch	Vùng nguyên liệu				Tiến độ thực hiện
						Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025		Cấp phép thăm dò, khai thác		
						Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Diện tích (ha)	Trữ lượng (m ³)	
I	Huyện Hoằng Hóa									
1	Công ty Cổ phần gạch tuynel Sơn Trang Thanh Hóa	Xã Hoằng Trung, huyện Hoằng Hóa	22	33.000	- Thôn Nghĩa Hưng, xã Hoằng Phương, huyện Hoằng Hóa	2,70	180.000	2,70		Chủ trương tại Văn bản số 10207/UBND-CN ngày 09/9/2016
II	Thị xã Bim Sơn									
2	Công ty Cổ phần Gạch ngói Bắc Sơn	Phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn	40	90.000	- Đồi đất khu 8 phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn	5,45	680.000	3,00	375.220	QĐPDTL số 4347/QĐ-UBND ngày 08/12/2014
3	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bim Sơn	Phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn	65	97.500	- Đồi đất khu 10 Bắc Sơn, khu 13 phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn (VT1)	2,80	68.000	2,80	68.000	QĐPDTL số 333/QĐ-UBND ngày 26/01/2016
					- Đồi đất khu 10 Bắc Sơn, khu 13 phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn (VT2)	0,70	42.000	0,70	42.000	

Stt	Đơn vị sản xuất	Địa chỉ sản xuất	Công suất thiết kế (triệu viên/năm)	Nhu cầu sử dụng đất sét (m ³ /năm)	Vùng nguyên liệu				Tiến độ thực hiện	
					Vị trí quy hoạch	Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025		Cấp phép thăm dò, khai thác		
						Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Diện tích (ha)		Trữ lượng (m ³)
					- Đồi E64, phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn	7,00	157.000	3,15	69.996	
4	Nhà máy gạch tuynel Lam Sơn	Phường Lam Sơn, thị xã Bim Sơn	40	60.000	- Thôn 9, 10 xã Hà Vinh, huyện Hà Trung	4,00	159.789	4,00	159.789	QĐPDTL số 2583/QĐ-UBND ngày 13/8/2014
5	Công ty Cổ phần Gốm XD Bim Sơn viglacera	Phường Lam Sơn, thị xã Bim Sơn	35	52.500	- Thôn Đoài Thôn, xã Hà Lan, thị xã Bim Sơn (VT1)	8,58	418.727	8,58	418.727	GP khai thác số 480/GP-UBND ngày 22/12/2014
					- Thôn Đoài Thôn, xã Hà Lan, thị xã Bim Sơn (VT2)	5,50	305.000			
6	Nhà máy gạch công nghệ cao sử dụng đất đồi của Công ty Cổ phần Sản xuất xây dựng và thương mại Long Thành; QĐ: 5104/QĐ-UBND ngày 30/12/2016	Phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn	60	90.000	Dự kiến vùng nguyên liệu đất đồi trên địa bàn thị xã Bim Sơn					
III	Huyện Hà Trung									

Stt	Đơn vị sản xuất	Địa chỉ sản xuất	Số suất khai thác (triệu viên/năm)	Nhu cầu sử dụng đất sét (m ³ /năm)	Vùng nguyên liệu				Tiến độ thực hiện	
					Vị trí quy hoạch	Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025		Cấp phép thăm dò, khai thác		
						Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Diện tích (ha)		Trữ lượng (m ³)
7	Nhà máy gạch tuynel Hà Bắc	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung	30	45.000	- Thôn Yên Phú, xã Hà Tiến, huyện Hà Trung	5,60	265.000	2,58	121.168	GP khai thác số 228/GP-UBND ngày 04/6/2015
8	Nhà máy gạch tuynel Hà Trung	Xã Hà Bắc, huyện Hà Trung	10	14.250	- Thôn Đông Bông xã Hà Tiến và thôn Hòa Thuận xã Hà Giang, huyện Hà Trung	25,00	1.450.000			Chủ trương tại Văn bản số 5397/UBND-CN ngày 17/7/2013
9	Nhà máy gạch tuynel Trung Sơn	Xã Hà Đông, huyện Hà Trung	20	30.000	Dự kiến vùng nguyên liệu đất đồi trên địa bàn huyện Hà Trung					
IV	Huyện Hậu Lộc									
10	Nhà máy gốm xây dựng Thịnh Lộc	Xã Thịnh Lộc, huyện Hậu Lộc	10	15.000	- Thôn Hòa Bình, xã Thịnh Lộc, huyện Hậu Lộc	5,80	290.000	5,80		Chủ trương tại Văn bản số 2567/UBND-CN ngày 25/3/2015
11	Công ty CP gạch Tuynel FLC – Đồ Lèn Hậu Lộc	Xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc	150	225.000	- Núi Miếu, xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc	7,70	930.000	7,70		Chủ trương tại Văn bản số 8940/UBND-CN ngày 12/8/2016
					Xã Hà Long, huyện Hà Trung	19,0	1.900.000			

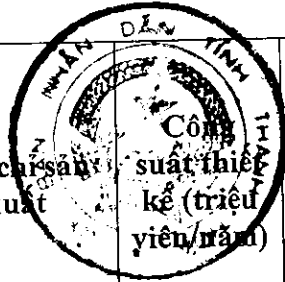
Stt	Đơn vị sản xuất	Địa chỉ sản xuất	Công suất thiết kế (triệu viên/năm)	Nhu cầu sử dụng đất sét (m ³ /năm)	Vùng nguyên liệu				Tiến độ thực hiện	
					Vị trí quy hoạch	Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025		Cấp phép thăm dò, khai thác		
						Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Diện tích (ha)		Trữ lượng (m ³)
					- Thôn Ngọ, thôn Sơn, xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc	30,70	1.500.000			
V	Huyện Triệu Sơn									
12	Nhà máy gạch tuynel Sơn Trung Hiếu	Dân Quyền, huyện Triệu Sơn	10	15.000	- Đồi Mốc, xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn	10,00	220.302	10,00	220.302	QĐPDTL số 4607/QĐ-UBND ngày 10/11/2015
13	Nhà máy gạch tuynel Nam Vang	Xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn	20	30.000	- Thôn 1 xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn	2,00	44.690	2,00	44.690	QĐPDTL số 2708/QĐ-UBND ngày 24/7/2015
					- Xóm 3, xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn	8,60	820.000	2,80	269.319	GP khai thác số 371/GP-UBND ngày 06/10/2016
14	Nhà máy gạch tuynel Long Sơn	Xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn	20	30.000	- Hồ Đồng Lớn, xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn	10,00	195.000	8,85	170.955	QĐPDTL số 4804/QĐ-UBND ngày 30/12/2014
VI	Huyện Vĩnh Lộc									
15	Nhà máy gạch tuynel Vĩnh Hòa	Xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc	10	15.000	- Thôn 7, xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc (VT1)	2,90	190.000	2,90		GP thăm dò số 276/GP-UBND ngày 20/7/2014

Stt	Đơn vị sản xuất	Địa chỉ sản xuất	Công suất thiết kế (triệu viên/năm)	Nhu cầu sử dụng đất sét (m ³ /năm)	Vùng nguyên liệu				Tiến độ thực hiện	
					Vị trí quy hoạch	Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025		Cấp phép thăm dò, khai thác		
						Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Diện tích (ha)		Trữ lượng (m ³)
					- Thôn 7, xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc (VT2)	2,40	140.000	2,40		
16	Nhà máy gạch ngói cao cấp Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc	35	52.500	- Thôn Nhật Quang, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc	2,00	85.000	1,60	67.225	QĐPDTL số 4975/QĐ-UBND ngày 27/11/2015
					- Thôn Tân Phúc, xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc	5,20	390.000	5,12	381.405	GP khai thác số 347/GP-UBND ngày 16/9/2016
17	Nhà máy gạch tuynel Phú Thịnh	Xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc	20	30.000	- Thôn 9 xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc	5,00	350.000	4,70	296.591	GP khai thác số 119/GP-UBND ngày 31/3/2016
					Bãi Trời xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lộc	20,20	1.950.000			
					Tại Thôn 6, xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lộc	3,8	380.000			
VII	Huyện Thạch Thành									

Stt	Đơn vị sản xuất	Địa chỉ sản xuất	Công suất thiết kế (triệu viên/năm)	Nhu cầu sử dụng đất sét (m ³ /năm)	Vùng nguyên liệu				Tiến độ thực hiện	
					Vị trí quy hoạch	Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025		Cấp phép thăm dò, khai thác		
						Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Diện tích (ha)		Trữ lượng (m ³)
18	Nhà máy gạch tuynel Thành Kim	xã Thành Kim huyện Thạch Thành	40	60.000	- Khu Đồng Cua, xã Thành Kim, huyện Thạch Thành	5,80	280.000	5,60		GP thăm dò số 316/GP-UBND ngày 17/8/2016
VIII	Huyện Thọ Xuân									
19	Nhà máy gạch tuynel Lam Sơn Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân	30	45.000	- Đồi đất thôn 8, xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân	4,06	320.000	4,06		Chủ trương tại Văn bản số 10424/UBND-CN ngày 14/9/2016
20	Nhà máy gạch Tuynel Lâm Thao	Xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân	10	15.000	- Khu Đồng Vin, xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân	2,00	120.000	2,00		GP thăm dò số 373/GP-UBND ngày 10/10/2016
21	Công ty CP Á Mỹ Thọ Xuân; QĐ: 4648/QĐ-UBND ngày 29/11/2016	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân	150	225.000						
IX	Huyện Ngọc Lặc									
22	Nhà máy gạch Kiên Thọ	Xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc	40	60.000	- Thôn Thống Nhất, xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc	6,12	432.478	6,12	432.478	QĐPDTL số 3525/QĐ-UBND ngày 15/9/2016
X	Huyện Bá Thước									

Stt	Đơn vị sản xuất	Địa chỉ sản xuất	Công suất thiết kế (triệu viên/năm)	Nhu cầu sử dụng đất sét (m ³ /năm)	Vùng nguyên liệu				Tiến độ thực hiện	
					Vị trí quy hoạch	Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025		Cấp phép thăm dò, khai thác		
						Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m3)	Diện tích (ha)		Trữ lượng (m3)
23	Nhà máy gạch tuynel Lam Sơn - Bá Thước	xã Điền Trung, huyện Bá Thước	20	30.000	- Thôn Trúc, xã Điền Trung, huyện Bá Thước	20,00	780.000	17,89	696.251	QĐPDTL số 3387/QĐ-UBND ngày 13/10/2014
XI	Huyện Yên Định									
24	Nhà máy gạch tuynel Định Tân	Xã Định Tân, huyện Yên Định	15	22.500	- Làng Cẩm Trướng, Ngã Ba Bông, xã Định Công, huyện Yên Định	5,00	192.007	5,00	192.007	GP khai thác số 343/GP-UBND ngày 12/9/2016
25	Xí nghiệp gạch ngói Cẩm Trướng	Xã Định Công, huyện Yên Định	15	22.500	- Thôn Trịnh Xá, xã Yên Ninh, huyện Yên Định	9,75	275.000	7,37	204.678	GP khai thác số 295/GP-UBND ngày 05/8/2016
26	Nhà máy gạch tuynel Phú Lợi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	15	22.500	Thôn Yên Trường, xã Yên Tâm, huyện Yên Định	2,50	140.000	2,50		Chủ trương tại Văn bản số 10008/UBND-CN ngày 05/9/2016
					- Thôn Phú Xuân, xã Yên Tâm, huyện Yên Định	23,00	950.000			
27	Nhà máy Gốm Xây dựng Định Liên	Xã Định Liên, huyện Yên Định	20	30.000	- Thôn Trịnh Xá, xã Yên Ninh, huyện Yên Định	9,75	275.000			

Stt	Đơn vị sản xuất	Địa chỉ sản xuất	Công suất thiết kế (triệu viên/năm)	Nhu cầu sử dụng đất sét (m ³ /năm)	Vùng nguyên liệu				Tiến độ thực hiện	
					Vị trí quy hoạch	Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025		Cấp phép thăm dò, khai thác		
						Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Diện tích (ha)		Trữ lượng (m ³)
28	Nhà máy gạch đất đỏ T5	Trại giam T5, huyện Yên Định	40	60.000	Dự kiến vùng nguyên liệu đất đỏ trên địa bàn huyện Yên Định					
XII	Huyện Tĩnh Gia									
29	Nhà máy gạch Tuynel Trường Sơn	Xã Trường Lâm huyện Tĩnh Gia	30	45.000	- Thôn Trường Sơn xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	3,94	310.000	3,94	310.000	GP khai thác số 344/GP-UBND, ngày 27/8/2015
30	Công ty cổ phần gạch Tuynel Trường Lâm Thanh Hóa	Xã Trường Lâm huyện Tĩnh Gia	30	45.000	- Thôn Minh Châu, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	1,50	98.000			
31	Nhà máy gạch Licogi 15	Xã Trường Lâm huyện Tĩnh Gia	15	22.500	- Thôn Tân Lập, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia (VT1)	5,00	162.000			
					- Thôn Tân Lập, xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia (VT2)	0,62	50.000			
XIII	Huyện Nga Sơn									
32	Nhà máy gạch gốm xây dựng Nga Sơn	Xã Nga Lĩnh, huyện Nga Sơn	15	22.500	-Thôn Báo Văn, xã Nga Lĩnh, huyện Nga Sơn (VT1)	2,50	175.000			



Stt	Đơn vị sản xuất	Địa chỉ sản xuất	Sản xuất thiết kế (triệu viên/năm)	Nhu cầu sử dụng đất sét (m ³ /năm)	Vùng nguyên liệu				Tiến độ thực hiện	
					Vị trí quy hoạch	Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025		Cấp phép thăm dò, khai thác		
						Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Diện tích (ha)		Trữ lượng (m ³)
					-Thôn Báo Văn, xã Nga Lĩnh, huyện Nga Sơn (VT2)	0,70	36.000			
XIV	Huyện Thiệu Hóa									
33	Nhà máy gạch tuynel Thiệu Giao	Xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa	20	30.000	- Thôn 9, xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn	2,30	230.000			
					Đồi Ràng Ràng, thôn 6 xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân	13,0	1.300.000			
XV	Huyện Đông Sơn									
34	Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất gạch ngói Mai Chử	Xã Đông Nam, huyện Đông Sơn	15	22.500	- Thôn Càn Liêm, xã Đông Nam, huyện Đông Sơn	5,20	210.000			
35	Nhà máy gốm xây dựng Thịnh Lộc	Thôn Hoàng Lạp, xã Đông Phú, huyện Đông Sơn	10	15.000	- Thôn Hoàng Mậu, xã Đông Phú, huyện Đông Sơn	8,20	482.000			
36	Xí nghiệp Sản xuất gạch ngói Đông Văn	Xã Đông Văn, huyện Đông Sơn	20	30.000	Dự kiến vùng nguyên liệu trên địa bàn huyện Đông Sơn và vùng lân cận					

Stt	Đơn vị sản xuất	Địa chỉ sản xuất	Công suất thiết kế (triệu viên/năm)	Nhu cầu sử dụng đất sét (m ³ /năm)	Vùng nguyên liệu				Tiến độ thực hiện	
					Vị trí quy hoạch	Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025		Cấp phép thăm dò, khai thác		
						Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Diện tích (ha)		Trữ lượng (m ³)
37	Xí nghiệp gạch ngói tuynel Đông Quang	Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn	15	22.500	Dự kiến vùng nguyên liệu đất đồi trên địa bàn huyện Đông Sơn và vùng lân cận					
XVI	Thành phố Thanh Hóa									
38	Công ty CP sản xuất VLXD Tự Lực	Thôn Văn Khê, xã Đông Vinh, thành phố Thanh Hóa	20	30.000	Dự kiến vùng nguyên liệu đất đồi trên địa bàn huyện Đông Sơn và vùng lân cận					
39	Công ty TNHH vật liệu xây dựng Đông Vinh	Thôn Văn Khê, xã Đông Vinh, thành phố Thanh Hóa	20	30.000	Dự kiến vùng nguyên liệu đất đồi trên địa bàn huyện Đông Sơn và vùng lân cận					
XVII	Huyện Quảng Xương									
40	Nhà máy gạch Tuynel Quảng Yên	Xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương	36	54.000	Thôn Yên Phú, xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương	2,76	80.000			Văn bản số 3315/UBND-CN ngày 31/3/2017



Stt	Đơn vị sản xuất	Địa chỉ sản xuất (trên giấy)	Nhu cầu sử dụng đất sét (m ³ /năm)	Vùng nguyên liệu				Tiến độ thực hiện		
				Vị trí quy hoạch	Quy hoạch thăm dò, khai thác đến năm 2025		Cấp phép thăm dò, khai thác			
					Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Diện tích (ha)		Trữ lượng (m ³)	
41	Nhà máy gạch công nghệ cao sử dụng đất đồi của Công ty Cổ phần Sản xuất xây dựng và thương mại Long Thành QĐ: 717/QĐ-UBND ngày 09/3/2017.	Xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương	60		Dự kiến vùng nguyên liệu đất đồi trên địa bàn huyện Quảng Xương và vùng lân cận					
XVIII	Huyện Cẩm Thủy									
42	Nhà máy gạch Tuynel Cẩm Thủy	Xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy	20	30.000	Thôn Phi Long, xã Cẩm Long, Huyện Cẩm Thủy	10,0	1.000.000			Văn bản số 49/UBND-NN ngày 06/01/2010
	Tổng cộng		1.337,50	2.006.250		346.33	21.007.993	135,86	4.540.801	